

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST.  
Ngày: 10- 02 - 2025.  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Văn Cơ.

Bà Trần Thị Tuyết Ngọc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Lý Thị L, sinh năm 1992 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

***- Bị đơn:*** Ông Quách Văn T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K1, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2024, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn Bà Lý Thị L trình bày:* Bà Lý Thị L và Ông Quách Văn T kết hôn nhân năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào năm 2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 11 năm. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và không còn sống chung đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, Bà Lý Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với Ông Quách Văn T.

***- Về con chung:*** Trong quá trình chung sống Bà Lý Thị L và Ông Quách Văn T có 03 người con chung là Quách Văn K, sinh ngày 28/9/2010, Quách Thị Kim N, sinh ngày 07/8/2012 và Quách Văn K2, sinh ngày 03/10/2018.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn Ông Quách Văn T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho Ông Quách Văn T theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông T không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Ông Quách Văn T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Lý Thị L; Về con chung: Giao cho Bà Lý Thị L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba người con chung tên Quách Văn K, sinh ngày 28/9/2010, Quách Thị Kim N, sinh ngày 07/8/2012 và Quách Văn K2, sinh ngày 03/10/2018 đến khi đủ 18 tuổi. Ông Quách Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Bà Lý Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn Ông Quách Văn T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội Dung:

[2] Bà Lý Thị L và Ông Quách Văn T kết hôn vào năm 2009. Đến năm 2017 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15 ngày 25/01/2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Bà Lý Thị L và Ông Quách Văn T là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý

vụ án, Tòa án thông báo cho Ông Quách Văn T về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 213/TB-TLVA ngày 07/10/2024, nhưng ông T vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà L. Nay bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Xét thấy, Bà Lý Thị L và Ông Quách Văn T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa Bà Lý Thị L và Ông Quách Văn T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Lý Thị L.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, Bà Lý Thị L và Ông Quách Văn T có 03 người con chung là Quách Văn K, sinh ngày 28/9/2010, Quách Thị Kim N, sinh ngày 07/8/2012 và Quách Văn K2, sinh ngày 03/10/2018, hiện nay con chung đang sống với Bà Lý Thị L. Xét thấy, kể từ khi bà L và ông T không còn chung sống với nhau thì con chung vẫn do bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến nay. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được quyền nuôi con, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/10/2024, con chung từ đủ 07 tuổi trở lên là cháu Khang và cháu Như đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đảm bảo không làm thay đổi môi trường sống của các cháu, Hội đồng xét xử thống nhất giao 03 người con chung cho Bà Lý Thị L được quyền nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông Quách Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị L không yêu cầu Ông Quách Văn T cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005592 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà L đã thực hiện xong.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và

khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị L được quyền ly hôn với Ông Quách Văn T.

2. Về con chung: Giao cho Bà Lý Thị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 người con chung tên Quách Văn K, sinh ngày 28/9/2010, Quách Thị Kim N, sinh ngày 07/8/2012 và Quách Văn K2, sinh ngày 03/10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Quách Văn T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lý Thị L không yêu cầu Ông Quách Văn T cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét.

4. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005592 ngày 30/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà L đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện M;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện M;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ái Mỹ**